

Bản án số: 15/ 2017 / HNGĐ - ST
Ngày : 11 / 7/ 2017.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông An Viết Dương và ông Phạm Văn Công.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thanh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51 /2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2017/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Thịnh Thị H - Sinh năm 1978.
Địa chỉ: Xóm A, Đông M, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
 - **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1974.
Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- Tại phiên tòa có mặt chị Thịnh Thị H, còn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Thịnh Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng, sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và anh chị tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1994 cho đến nay. Vợ chồng chị chưa đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào để làm thủ tục đăng ký kết hôn vì thời điểm đó chị chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Do vậy chị và anh T cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau. Chị và anh T cưới nhau, anh chị về chung sống với nhau chị nhận thấy chưa có ngày nào hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T chơi bời dẫn đến nợ nần, sau đó còn về đánh đập, chửi mắng chị nhiều lần và chị đã cố gắng chịu vì gia đình. Nhưng anh T ngày một quá ra, do vậy chị nhận thấy sống

chung với anh T là không có hạnh phúc nên chị xác định không thể tiếp tục sống với anh T được, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ tháng 1 năm 2005 cho đến nay. Trong thời gian này chị đã đi làm ăn, chị đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, hết hạn chị về nước tháng 11 năm 2016. Trong thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ chị cũng như chị ở bên nước ngoài giữa chị và anh T không còn quan tâm liên lạc với nhau nữa. Từ khi chị về nước cho đến nay chị và anh T cũng không có liên lạc với nhau một lần nào. Do vậy chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 1 năm 2005 cho đến nay và thực tế không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị và anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung (riêng): Chị và anh T cho đến nay có hai con chung với nhau, tên cháu là NguyễnThị M, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1996 và cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1999. Hiện nay cháu M đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định và đã tự lập được cuộc sống riêng cho bản thân. Do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu M. Còn về cháu Th hiện nay đến tháng 8 năm 2017 cháu mới đủ 18 tuổi và cháu đang do anh T chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu Th cho anh T được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được và chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th hàng tháng cho anh Nguyễn Văn T với mức là 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống. Về con riêng chị và anh T không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng.

- Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Vợ chồng chị cho đến nay không có tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có, còn về đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn. Do vậy nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp cho chị.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T, hiện tại anh đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại phố Đ, thị trấn N. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn T. Song bản thân anh T không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã trực tiếp giải thích về quyền và nghĩa vụ cho anh T, hướng dẫn anh viết bản khai, hoặc yêu cầu Tòa án ghi lời khai của anh, nhưng anh T có quan điểm vợ chồng không đăng ký kết hôn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên không có gì liên quan đến nhau nữa, do vậy anh không làm việc với Tòa án và không có gì để khai báo, Tòa án đã lập biên bản sự việc trên với sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương. Việc anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì vậy anh Nguyễn Văn T phải tự chịu hậu quả của việc cố tình không đến Tòa án làm việc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thịnh Thị H, xử không công nhận chị Thịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, về con giao cháu Nguyễn Thị Th cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng và chị Thịnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Th cho anh Nguyễn Văn T mỗi tháng 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

- **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa vào ngày 23/6/2017 có mặt chị Thịnh Thị H còn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Thịnh Thị H có mặt còn anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Thịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T có thời gian tự do tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng và sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Do vậy chị H và anh T đã về chung sống với nhau như vợ chồng kể từ tháng 11 năm 1994 cho đến nay, do không có đăng ký là tại thời điểm đó bản thân chị H chưa đủ tuổi kết hôn. Trong quá trình chị và anh T chung sống cho đến năm 2005, thì tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay chơi bời, dẫn đến nợ nần, sau đó về đánh chửi chị, vì gia đình nên chị phải gắng chịu nhưng anh T ngày một quá, chị thấy không chịu nổi và không thể sống cùng với anh T được, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H để sống từ năm 2005 cho đến nay. Trong thời gian này chị H có đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài cho đến tháng 11 năm 2016 hết hạn chị về nước, trong quãng thời gian này giữa chị và anh T không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa, chị và anh T sống ly thân nhau kể từ đó. Song trong quá trình chung sống anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn, mặc dù thời gian sau chị và anh có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng chị H và anh T vẫn không đến cơ quan có thẩm quyền nào để thực hiện việc đăng ký kết hôn. Để có căn cứ khẳng định về tình trạng hôn nhân của chị và anh T, chị H đã nộp hai đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị và anh T sinh sống, đều có xác nhận tại thời điểm chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị H và anh T vẫn chưa đăng ký kết hôn, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 11/2005. Do vậy hôn nhân giữa chị và anh T do không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh T trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm giữa chị H và anh T không còn. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia

đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thịnh Thị H để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng và buộc chị Thịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T chấm dứt quan hệ như vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con: Chị H và anh T cho đến nay có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1999. Hiện nay cháu M đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định và đã tự lập được cuộc sống riêng, do vậy chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu M. Còn về cháu Th hiện nay cháu đang do anh T chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu Tòa án giao cháu Th cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th hàng tháng cho anh T với mức là 1.500.000 đồng một tháng, kể từ tháng 8/2017. Về con riêng chị và anh T không có nên chị không yêu cầu giải quyết. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Th mong muốn được ở cùng với anh T và quan điểm của anh T khi Tòa án vào làm việc thì anh T có quan điểm con anh, anh nhận nuôi và không có ý kiến gì. Nhận thấy việc chị H yêu cầu giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng mức 1.500.000 đồng tiền nuôi cháu Th cho anh T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và anh T về việc nuôi con, như vậy quyền lợi của cháu đã được bảo đảm nên cần chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1999 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị Thịnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th cho anh T hàng tháng với mức 1.500.000 đồng kể từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Về con riêng chị H và anh T không có nên chị H không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Chị Thịnh Thị H không có yêu cầu giải quyết về tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thì anh Nguyễn Văn T hiện tại anh đang có mặt và làm ăn sinh sống tại gia đình bố mẹ ở phố Đ, thị trấn N. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn T. Song bản thân anh T không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã trực tiếp giải thích về quyền và nghĩa vụ cho anh T, hướng dẫn anh viết bản khai, hoặc yêu cầu Tòa án ghi lời khai của anh, nhưng anh T có quan điểm vợ chồng không đăng ký kết hôn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, con anh anh nuôi nên không có gì liên quan đến nhau nữa, do vậy anh không làm việc với Tòa án và không có gì để khai báo, Tòa án đã lập biên bản sự việc trên với sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương. Để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do vậy anh Nguyễn Văn T phải tự chịu hậu quả của việc cố tình không đến Tòa án làm việc khi Tòa án giải quyết vụ án.

Về án phí: Chị Thịnh Thị H là nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 57 và Điều 81, 82, 83, 84 và các Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thịnh Thị H về việc “ Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, buộc chị Thịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1999 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Thịnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Th cho anh Nguyễn Văn T mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Thịnh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Thịnh Thị H không thi hành hết khoản tiền trên thì chị Thịnh Thị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Thịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình và nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA / 2013/ 0001619 ngày 14 tháng 03 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Chị Thịnh Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Thịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/7/2017). Anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBNDTT N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung